TÒA ÁN NHÂN DÂ **QUẬN HẢI CHÂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70 /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thúy Năng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Thanh Trà.

2. Ông Huỳnh Tiễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Ngân, Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa*: Bà Ngô Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **A** - sinh năm 1975.

Địa chỉ: Đường D, phường P, quận H , thành phố Đà Nẵng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **B** - sinh năm 1971.

Địa chỉ: Chung cư C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà A và ông B kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tại Chung cư C, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Trong quá

trình chung sống, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2015. Nguyên nhân là do bất đồng về tính tình và quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột dẫn đến vợ chồng không còn yêu thương nhau. Mâu thuẫn trở nên gay gắt từ tháng 10 năm 2016. Vào đầu năm 2017 bà và ông B có gửi đơn đến Tòa án nhân dân quận Hải Châu yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng sau đó do ông B không chịu đến Tòa án để giải quyết nên Tòa án đã ra quyết định đình chỉ. Sau đó ông B bỏ đi đến nay không có tin tức. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Bà A xác định vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà A xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông B tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng ông B vắng mặt không có lý do nên không ghi được lời khai, ý kiến của ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Ông B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần 2, nhưng vắng mặt l2 không có lý do, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông B.

[2] Về quan hệ bôn nhân: Bà A và ông B kết hôn với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà A, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 phát sịnh mâu thuẫn. nguyên nhân là do bất đồng về tính tình và quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn trở nên gay gắt từ tháng 10 năm 2016. Vào đầu năm 2017 bà và ông B có gửi đơn đến Tòa án nhân dân quận Hải Châu yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng sau đó do ông B không chịu đến Tòa án để giải quyết nên Tòa án đã ra quyết định đình chỉ. Nay bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông B.

Xét yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông B, HĐXX nhận thấy:

Căn cứ vào lời khai của bà A cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện, bà Avà ông B đã từng gửi đơn đến Tòa án yêu cầu công nhận việc

thuận tình ly hôn. Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Vợ chồng ông B, bà A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân một phần là do không có con cái. Từ đầu năm 2017 ông B đã bỏ đi nơi khác, sau đó bà A cũng chuyển đi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập ông B, cũng như thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, yêu cầu ông B có mặt tại Tòa án để giải quyết việc bà A khởi kiện ly hôn, nhưng ông B vẫn vắng mặt, chứng tỏ ông B không tha thiết níu kéo cuộc hôn nhân này, không có thiện chí đoàn tụ. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà A được ly hôn với ông B là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà A xác định vợ chồng không có con chung, nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà A xác định vợ chồng không có, nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà A về việc ly hôn với ông B; về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà A phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của bà A đối với ông B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà A được ly hôn với ông B.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà A xác định không có nên Tòa án không giải quyết.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà A phải chịu là 300.000 đồng, nhưng

được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp tại biên lai thu số 9382 ngày 18/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Bà A đã nộp đủ án phí.

4. Bà A có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đỗ Thị Thúy Năng